

Đồng Xoài, ngày 4 tháng 10 năm 2022

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC
KHỐI LỚP 1 – NĂM HỌC 2022 - 2023

Chủ đề năm học:

“Đoàn kết, nỗ lực vượt khó khăn, đổi mới sáng tạo, củng cố, nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục”

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch:

Căn cứ TT32/2018-TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 về ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông;

Căn cứ Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;

Căn cứ Quyết định số 1472/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 2604/SGDĐT-GDTHMN ngày 05/9/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2022-2023;

Căn cứ công văn số 752/PGDĐT-TH ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Phòng GD&ĐT thành phố Đồng Xoài về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 cấp tiểu học;

Thực hiện Kế hoạch số 190/KH-THTĐ ngày 19/09/2022 của trường TH Tân Đồng về kế hoạch giáo dục năm học 2022-2023 của trường tiểu học Tân Đồng;

Căn cứ vào kết quả đạt được từ năm học 2021 - 2022 và tình hình thực tế của tổ khối Một trong năm học 2022 - 2023.

Thực hiện theo chỉ đạo của Ban giám hiệu Trường TH Tân Đồng, tổ khối Một xây dựng Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục năm học 2022-2023, cụ thể như sau:

II. Điều kiện thực hiện các môn học, hoạt động giáo dục:

1. Tình hình chung của khối 1.

Tổ khối 1 luôn nhận được sự quan tâm sâu sát của ban giám hiệu nhà trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh nên trong 2 năm học 2021 - 2022 và 2022 - 2023 giáo viên và học sinh được trang bị tương đối đầy đủ sách giáo khoa, các thiết bị, đồ dùng

dạy học và cơ sở vật chất lớp học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đặc biệt nhà trường đã trang bị thiết bị dạy học hiện đại (tivi) cho 7/7 lớp học tập, đảm bảo đúng tiến độ yêu cầu giáo dục hiện nay.

Đội ngũ giáo viên khối Một có trình độ chuyên môn vững vàng, nhiệt tình, năng nổ, biết học hỏi và từng bước tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông 2018. Bên cạnh đó tổ trưởng là giáo viên có nhiều năm kinh nghiệm dạy lớp Một, là cán bộ cốt cán của nhà trường được tham gia các lớp tập huấn do Sở giáo dục và Bộ giáo dục tổ chức nên đã về tổ chức tập huấn lại cho giáo viên trong khối kịp thời. Do đó tất cả các giáo viên trong tổ khối đều nắm được cơ bản về hình thức tổ chức cũng như các phương pháp dạy học mới theo hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh.

Ban đại diện cha mẹ học sinh của các lớp rất quan tâm đến việc học tập của con em nên việc xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường – gia đình - xã hội luôn được giữ vững.

Vì thế mà việc triển khai, thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 được triển khai một cách đồng thuận và bước đầu đạt được những hiệu quả nhất định.

Về học sinh, tuy khối lớp Một hầu hết các em đều ngoan, biết nghe lời thầy cô, biết vượt khó để vươn lên học tốt nên việc tổ chức dạy học phát triển năng lực của giáo viên gặp khá nhiều thuận lợi.

2. Tình hình đội ngũ giáo viên, học sinh của khối.

- Về đội ngũ giáo viên:

Khối Một có 8 giáo viên, trong đó: 7 giáo viên chủ nhiệm lớp, 1 giáo viên bộ môn dạy Âm nhạc. Trình độ chuyên môn: Đại học 8 GV. Trình độ Tin học: chứng chỉ A: 8 GV. Trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh): chứng chỉ A: 4 GV, chứng chỉ B: 4 GV.

- Về số lượng học sinh:

Tổng số học sinh: 259/127 nữ, học sinh dân tộc 6/2 nữ. Trong đó tuyển mới là 246/135 nữ, học sinh ở lại lớp 13/3 nữ. Học sinh đúng tuổi (6 tuổi): 242/135 nữ; HS 7 tuổi: 15/4 nữ; HS 8 tuổi: 2/0 nữ; HS khuyết tật: 3/1 nữ.

- Về trang thiết bị dạy học: có 7 tivi. Sách giáo khoa, sách học sinh, sách giáo viên đầy đủ. Đồ dùng dạy học có toàn bộ bảng cài, mẫu chữ, chữ số để học sinh thực hành, trải nghiệm.

- Về lòng ghép giáo dục: Lòng ghép giáo dục địa phương trong các hoạt động trải nghiệm theo hướng dẫn công văn 2701/SGDĐT-GDTHMN ngày 06/9/2019 của Sở GD&ĐT Bình Phước về việc Hướng dẫn thực hiện nội dung HĐTN cấp tiểu học trong chương trình GDPT 2018 từ năm học 2020-2021.

III. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

1. Bảng phân phối chương trình khối lớp 1, năm học 2022-2023

TT	Môn học	Số tiết khối Lớp 1		
		Tổng	HK1	HK2
I.	Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc			
1	Tiếng Việt	420	216	204
2	Toán	105	54	51
3	Đạo đức	35	18	17
4	TN-XH	70	36	34
5	Giáo dục thể chất	70	36	34
6	Âm nhạc	35	18	17
7	Mĩ thuật	35	18	17
8	HĐTNg	105	54	51
II.	Môn học tự chọn			
1	Tiếng Anh	0		
2	Tin học	0		
III.	Hoạt động củng cố, tăng cường (Số tiết tăng cường buổi học thứ 2 của mỗi môn học và HĐGD với hình thức linh hoạt)			
1	Tiếng Việt	175	90	85
2	Toán	70	36	34
Tổng		1120	576	544

2. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng

THỜI GIAN		Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/th áng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Điều chỉnh kế hoạch tuần
Buổi	Tiết học	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Tuần 18: Nghỉ bù Tết dương lịch 1 ngày (Thứ hai, 2/1) dạy bù vào các tiết HT-BD trong tuần 18 Tuần 34: Nghỉ bù lễ 10/3 (âl); 30/4; 01/5 gồm 2 ngày (Thứ Ba, thứ Tư) dạy bù vào tuần dạy bù, hoàn thành hồ sơ sổ sách từ 15/5 đến 18/5
Sáng	1	HĐTN SHDC	Toán	Âm nhạc	Toán	Tiếng việt	SHCM / Hốp HĐSP	
	2	Tiếng việt	Tiếng việt	Toán	Tiếng việt	Tiếng việt		
	3	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng việt	GDTC		
	4	Đạo đức	TNXH	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng việt		
Chiều	5	TNXH		GDTC				
	6	HT- BD (TV)	HT+ BD (T)	Mĩ thuật	HT- BD (TV)	HT- BD (TV)		
	7	HT- BD (TV)	HĐTN	HĐTN- SHTT	HT- BD (TV)	HT+ BD (T)		

3. Phân bố số tiết dạy/tuần

Môn	Tiếng Việt	Toán	Đạo đức	TNXH	GDTC	Nghệ thuật	HĐTN	HT- BD	Tổng số tiết/tuần
Số tiết	12	3	1	2	2	2	3	7	32

IV. Mục tiêu giáo dục của khối 1, năm học 2022-2023:

1. Mục tiêu chung

1.1. Thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 – 2023 của các cấp, bảo đảm an toàn trường học; chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh.

1.2. Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Chương trình giáo dục phổ thông 2018) đối với lớp 1.

1.3. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên; tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm, bảo đảm chất lượng dạy học các môn học theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

1.4. Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có; khắc phục tình trạng lớp có sĩ số học sinh/lớp vượt quá quy định, đáp ứng mục tiêu giáo dục tiểu học theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

1.5. Chú trọng đổi mới công tác quản lý theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

2. Chỉ tiêu cụ thể:

2.1. Môn học và hoạt động giáo dục:

2.1.1. Chỉ tiêu:

Môn	Lớp	TSHS	Học sinh toàn khối							Trong đó HS khuyết tật đánh giá riêng						
			TSHS ĐG chung	HT tốt		HT		Chưa HT		TSHS KT ĐG riêng	HT tốt		HT		Chưa HT	
				TS	%	TS	%	TS	%		TS	%	TS	%	TS	%
Tiếng Việt	1/1	37	37	26	70,3	10	27,0	1	2,7	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/2	38	37	25	65,8	10	26,3	2	5,3	1	0	0,0	1	2,6	0	0,0
	1/3	38	38	25	65,8	11	28,9	2	5,3	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/4	38	37	26	68,4	10	26,3	1	2,6	1	0	0,0	1	2,6	0	0,0
	1/5	37	37	25	67,6	10	27,0	2	5,4	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/6	38	38	25	65,8	11	28,9	2	5,3	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/7	33	32	22	66,7	8	24,2	2	6,1	1	0	0,0	1	3,0	0	0,0
	Cộng	259	256	174	67,2	70	27,0	12	4,6	3	0	0,0	3	1,2	0	0,0
Toán	1/1	37	37	27	73,0	9	24,3	1	2,7	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0

	1/2	38	37	26	68,4	9	23,7	2	5,3	1	0	0,0	1	2,6	0	0,0
	1/3	38	38	25	65,8	11	28,9	2	5,3	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/4	38	37	27	71,1	9	23,7	1	2,6	1	0	0,0	1	2,6	0	0,0
	1/5	37	37	26	70,3	9	24,3	2	5,4	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/6	38	38	26	68,4	10	26,3	2	5,3	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/7	33	32	22	66,7	8	24,2	2	6,1	1	0	0,0	1	3,0	0	0,0
	Cộng	259	256	179	69,1	65	25,1	12	4,6	3	0	0,0	3	1,2	0	0,0
Đạo đức	1/1	37	37	26	70,3	10	27,0	1	2,7	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/2	38	37	26	68,4	10	26,3	1	2,6	1	0	0,0	1	2,6	0	0,0
	1/3	38	38	26	68,4	10	26,3	2	5,3	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/4	38	37	26	68,4	10	26,3	1	2,6	1	0	0,0	1	2,6	0	0,0
	1/5	37	37	25	67,6	10	27,0	2	5,4	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/6	38	38	26	68,4	10	26,3	2	5,3	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/6	33	32	23	69,7	7	21,2	2	6,1	1	0	0,0	1	3,0	0	0,0
	Cộng	259	256	178	68,7	67	25,9	11	4,2	3	0	0,0	3	1,2	0	0,0
TNXH	1/1	37	37	25	67,6	11	29,7	1	2,7	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/2	38	37	25	65,8	11	28,9	1	2,6	1	0	0,0	1	2,6	0	0,0
	1/3	38	38	25	65,8	11	28,9	2	5,3	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/4	38	37	26	68,4	10	26,3	1	2,6	1	0	0,0	1	2,6	0	0,0
	1/5	37	37	25	67,6	10	27,0	2	5,4	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/6	38	38	26	68,4	10	26,3	2	5,3	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/7	33	32	22	66,7	8	24,2	2	6,1	1	0	0,0	1	3,0	0	0,0
	Cộng	259	256	174	67,2	71	27,4	11	4,2	3	0	0,0	3	1,2	0	0,0
GD thể chất	1/1	37	37	25	67,6	11	29,7	1	2,7	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/2	38	37	25	65,8	11	28,9	1	2,6	1	0	0,0	1	2,6	0	0,0
	1/3	38	38	26	68,4	10	26,3	2	5,3	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/4	38	37	26	68,4	10	26,3	1	2,6	1	0	0,0	1	2,6	0	0,0
	1/5	37	37	26	70,3	9	24,3	2	5,4	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/6	38	38	26	68,4	10	26,3	2	5,3	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/7	33	32	22	66,7	8	24,2	2	6,1	1	0	0,0	1	3,0	0	0,0
	Cộng	259	256	176	68,0	69	26,6	11	4,2	3	0	0,0	3	1,2	0	0,0
Âm nhạc	1/1	37	37	25	67,6	11	29,7	1	2,7	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/2	38	37	25	65,8	11	28,9	1	2,6	1	0	0,0	1	2,6	0	0,0
	1/3	38	38	25	65,8	11	28,9	2	5,3	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/4	38	37	26	68,4	10	26,3	1	2,6	1	0	0,0	1	2,6	0	0,0
	1/5	37	37	25	67,6	10	27,0	2	5,4	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/6	38	38	26	68,4	11	28,9	1	2,6	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/6	33	32	22	66,7	8	24,2	2	6,1	1	0	0,0	1	3,0	0	0,0
	Cộng	259	256	174	67,2	72	27,8	10	3,9	3	0	0,0	3	1,2	0	0,0
Mĩ thuật	1/1	37	37	25	67,6	11	29,7	1	2,7	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/2	38	37	25	65,8	11	28,9	1	2,6	1	0	0,0	1	2,6	0	0,0
	1/3	38	38	25	65,8	11	28,9	2	5,3	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0

	1/4	38	37	27	71,1	9	23,7	1	2,6	1	0	0,0	1	2,6	0	0,0
	1/5	37	37	26	70,3	9	24,3	2	5,4	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/6	38	38	26	68,4	10	26,3	2	5,3	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/7	33	32	21	63,6	9	27,3	2	6,1	1	0	0,0	1	3,0	0	0,0
	Cộng	259	256	175	67,6	70	27,0	11	4,2	3	0	0,0	3	1,2	0	0,0
HD trải nghiệm	1/1	37	37	25	67,6	11	29,7	1	2,7	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/2	38	37	26	68,4	10	26,3	1	2,6	1	0	0,0	1	2,6	0	0,0
	1/3	38	38	25	65,8	11	28,9	2	5,3	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/4	38	37	27	71,1	9	23,7	1	2,6	1	0	0,0	1	2,6	0	0,0
	1/5	37	37	26	70,3	9	24,3	2	5,4	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/6	38	38	27	71,1	9	23,7	2	5,3	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	1/7	33	32	22	66,7	8	24,2	2	6,1	1	0	0,0	1	3,0	0	0,0
	Cộng	259	256	178	68,7	67	25,9	11	4,2	3	0	0,0	3	1,2	0	0,0

2.1.2. Biện pháp thực hiện:

- Xây dựng nề nếp tự học, phát huy tính tích cực, tự giác của học sinh trong học tập.
- Nhắc nhở học sinh thực hiện nghiêm túc trong các đợt kiểm tra định kỳ; có ý thức đấu tranh với mọi gian lận trong kiểm tra, trong học tập.
- Tổ chức đôi bạn học tập để học sinh giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau tiến bộ.
- Thường xuyên kiểm tra bài vở của học sinh, nhắc nhở, uốn nắn kịp thời để các em tiến bộ.
- Phát động nhiều phong trào thi đua học tốt lập thành tích chào mừng những ngày lễ lớn trong năm học.
- Sắp xếp chỗ ngồi cho học sinh hợp lí, giáo viên luôn quan tâm nhắc nhở học sinh tiếp thu bài chưa tốt, giúp đỡ các em hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Kết hợp cùng cha mẹ học sinh đầu tư bồi dưỡng học sinh có năng lực, hỗ trợ cho học sinh chưa hoàn thành nội dung bài học và rèn chữ viết cho tất cả các học sinh.

2.2. Phẩm chất và năng lực:

- 100% học sinh có phẩm chất tốt, biết kính trọng thầy cô, người lớn tuổi; biết yêu thương, đoàn kết, giúp đỡ bạn bè; biết giữ gìn môi trường, bảo vệ của công và có kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp tốt.
- 100% học sinh được hình thành và phát triển các năng lực cốt lõi, bao gồm các năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; các năng lực đặc thù: Ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.

2.2.1. Chỉ tiêu

Mức độ hình thành và phát triển		Lớp	TSHS	Học sinh toàn khối							Trong đó HSKT-ĐGR		
				TSHS ĐGC	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		TS HSKT	Đạt	
					TS	%	TS	%	TS	%		TS	%
Phẩm chất	Yêu nước	1/1	37	37	29	78,4	8	21,6	0	0,0	0	0	0,0
		1/2	38	37	37	97,4	0	0,0	0	0,0	1	1	2,6
		1/3	38	38	32	84,2	6	15,8	0	0,0	0	0	0,0
		1/4	38	37	28	73,7	9	23,7	0	0,0	1	1	2,6
		1/5	37	37	28	75,7	9	24,3	0	0,0	0	0	0,0
		1/6	38	38	29	76,3	9	23,7	0	0,0	0	0	0,0
		1/7	33	32	32	97,0	0	0,0	0	0,0	1	1	3,0
		Cộng	259	256	215	83,0	41	15,8	0	0,0	3	3	1,2
	Nhân ái	1/1	37	37	28	75,7	9	24,3	0	0,0	0	0	0,0
		1/2	38	37	37	97,4	0	0,0	0	0,0	1	1	2,6
		1/3	38	38	32	84,2	6	15,8	0	0,0	0	0	0,0
		1/4	38	37	29	76,3	8	21,1	0	0,0	1	1	2,6
		1/5	37	37	28	75,7	9	24,3	0	0,0	0	0	0,0
		1/6	38	38	29	76,3	9	23,7	0	0,0	0	0	0,0
		1/7	33	32	32	97,0	0	0,0	0	0,0	1	1	3,0
		Cộng	259	256	215	83,0	41	15,8	0	0,0	3	3	1,2
	Chăm chỉ	1/1	37	37	26	70,3	10	27,0	1	2,7	0	0	0,0
		1/2	38	37	26	68,4	9	23,7	2	5,3	1	1	2,6
		1/3	38	38	27	71,1	9	23,7	2	5,3	0	0	0,0
		1/4	38	37	27	71,1	9	23,7	1	2,6	1	1	2,6
		1/5	37	37	27	73,0	8	21,6	2	5,4	0	0	0,0
		1/6	38	38	26	68,4	10	26,3	2	5,3	0	0	0,0
		1/7	33	32	23	69,7	7	21,2	2	6,1	1	1	3,0
		Cộng	259	256	182	70,3	62	23,9	12	4,6	3	3	1,2
	Trung thực	1/1	37	37	28	75,7	9	24,3	0	0,0	0	0	0,0
		1/2	38	37	33	86,8	4	10,5	0	0,0	1	1	2,6
		1/3	38	38	33	86,8	5	13,2	0	0,0	0	0	0,0
		1/4	38	37	28	73,7	9	23,7	0	0,0	1	1	2,6
		1/5	37	37	28	75,7	9	24,3	0	0,0	0	0	0,0
		1/6	38	38	28	73,7	10	26,3	0	0,0	0	0	0,0
		1/7	33	32	24	72,7	8	24,2	0	0,0	1	1	3,0
		Cộng	259	256	202	78,0	54	20,8	0	0,0	3	3	1,2
	Trách nhiệm	1/1	37	37	26	70,3	10	27,0	1	2,7	0	0	0,0
		1/2	38	37	28	73,7	7	18,4	2	5,3	1	1	2,6
		1/3	38	38	27	71,1	9	23,7	2	5,3	0	0	0,0

			1/4	38	37	27	71,1	9	23,7	1	2,6	1	1	2,6	
			1/5	37	37	26	70,3	9	24,3	2	5,4	0	0	0,0	
Năng lực	Năng lực chung	Tự chủ và tự học	1/6	38	38	26	68,4	10	26,3	2	5,3	0	0	0,0	
			1/7	33	32	22	66,7	8	24,2	2	6,1	1	1	3,0	
			Cộng	259	256	182	70,3	62	23,9	12	4,6	3	3	1,2	
			Giao tiếp và hợp tác	1/1	37	37	26	70,3	10	27,0	1	2,7	0	0	0,0
				1/2	38	37	25	65,8	10	26,3	2	5,3	1	1	2,6
				1/3	38	38	28	73,7	8	21,1	2	5,3	0	0	0,0
				1/4	38	37	28	73,7	8	21,1	1	2,6	1	1	2,6
				1/5	37	37	26	70,3	9	24,3	2	5,4	0	0	0,0
				1/6	38	38	27	71,1	9	23,7	2	5,3	0	0	0,0
		1/7		33	32	22	66,7	8	24,2	2	6,1	1	1	3,0	
		Cộng		259	256	182	70,3	62	23,9	12	4,6	3	3	1,2	
		GVĐ và sáng tạo	1/1	37	37	27	73,0	9	24,3	1	2,7	0	0	0,0	
			1/2	38	37	25	65,8	10	26,3	2	5,3	1	1	2,6	
			1/3	38	38	29	76,3	7	18,4	2	5,3	0	0	0,0	
			1/4	38	37	29	76,3	7	18,4	1	2,6	1	1	2,6	
			1/5	37	37	28	75,7	7	18,9	2	5,4	0	0	0,0	
			1/6	38	38	26	68,4	8	21,1	2	5,3	0	0	0,0	
			1/7	33	32	22	66,7	8	24,2	2	6,1	1	1	3,0	
			Cộng	259	256	186	71,8	56	21,6	12	4,6	3	3	1,2	
		Năng lực đặc thù	Ngôn ngữ	1/1	37	37	25	67,6	11	29,7	1	2,7	0	0	0,0
				1/2	38	37	25	65,8	10	26,3	2	5,3	1	1	2,6
				1/3	38	38	26	68,4	10	26,3	2	5,3	0	0	0,0
				1/4	38	37	27	71,1	9	23,7	1	2,6	1	1	2,6
				1/5	37	37	26	70,3	9	24,3	2	5,4	0	0	0,0
				1/6	38	38	26	68,4	11	28,9	1	2,6	0	0	0,0
1/7	33			32	22	66,7	8	24,2	2	6,1	1	1	3,0		
Cộng	259			256	177	68,3	68	26,3	11	4,2	3	3	1,2		
Tính toán	1/1			37	37	26	70,3	10	27,0	1	2,7	0	0	0,0	
	1/2		38	37	26	68,4	9	23,7	2	5,3	1	1	2,6		
	1/3		38	38	27	71,1	9	23,7	2	5,3	0	0	0,0		
	1/4		38	37	27	71,1	9	23,7	1	2,6	1	1	2,6		
	1/5		37	37	26	70,3	9	24,3	2	5,4	0	0	0,0		

			1/6	38	38	26	68,4	10	26,3	2	5,3	0	0	0,0
			1/7	33	32	22	66,7	8	24,2	2	6,1	1	1	3,0
			Cộng	259	256	180	69,5	64	24,7	12	4,6	3	3	1,2
		Khoa học	1/1	37	37	26	70,3	10	27,0	1	2,7	0	0	0,0
			1/2	38	37	26	68,4	9	23,7	2	5,3	1	1	2,6
			1/3	38	38	26	68,4	10	26,3	2	5,3	0	0	0,0
			1/4	38	37	27	71,1	9	23,7	1	2,6	1	1	2,6
			1/5	37	37	26	70,3	9	24,3	2	5,4	0	0	0,0
			1/6	38	38	26	68,4	10	26,3	2	5,3	0	0	0,0
			1/7	33	32	22	66,7	8	24,2	2	6,1	1	1	3,0
			Cộng	259	256	179	69,1	65	25,1	12	4,6	3	3	1,2
		Thăm mĩ	1/1	37	37	26	70,3	10	27,0	1	2,7	0	0	0,0
			1/2	38	37	26	68,4	9	23,7	2	5,3	1	1	2,6
			1/3	38	38	27	71,1	9	23,7	2	5,3	0	0	0,0
			1/4	38	37	28	73,7	9	23,7	0	0,0	1	1	2,6
			1/5	37	37	28	75,7	9	24,3	0	0,0	0	0	0,0
			1/6	38	38	27	71,1	11	28,9	0	0,0	0	0	0,0
			1/7	33	32	23	69,7	9	27,3	0	0,0	1	1	3,0
			Cộng	259	256	185	71,4	66	25,5	5	1,9	3	3	1,2
		Thể chất	1/1	37	37	26	70,3	10	27,0	1	2,7	0	0	0,0
			1/2	38	37	26	68,4	9	23,7	2	5,3	1	1	2,6
			1/3	38	38	29	76,3	7	18,4	2	5,3	0	0	0,0
			1/4	38	37	27	71,1	10	26,3	0	0,0	1	1	2,6
			1/5	37	37	26	70,3	11	29,7	0	0,0	0	0	0,0
			1/6	38	38	26	68,4	12	31,6	0	0,0	0	0	0,0
			1/7	33	32	24	72,7	8	24,2	0	0,0	1	1	3,0
			Cộng	259	256	184	71,0	67	25,9	5	1,9	3	3	1,2

2.2.2. Biện pháp thực hiện:

- Giáo dục các em biết tự phục vụ bản thân như vệ sinh thân thể, ăn, mặc; một số việc phục vụ cho học tập như chuẩn bị đồ dùng học tập ở lớp, ở nhà, chấp hành nội quy của lớp, của trường, tự hoàn thành công việc học tập.

- Tổ chức các hoạt động vui chơi, giao tiếp, hợp tác để các em : mạnh dạn khi giao tiếp, ứng xử thân thiện với bạn bè, biết chia sẻ với mọi người; lắng nghe người khác.

- Hướng dẫn các em tự học và biết giải quyết vấn đề, tự thực hiện đúng nhiệm vụ học tập, chia sẻ kết quả học tập với bạn, với cả nhóm; tự đánh giá kết quả học tập và báo cáo kết quả trong nhóm hoặc với giáo viên; tìm kiếm sự trợ giúp kịp thời của bạn, giáo viên hoặc người khác; vận dụng những điều đã học để giải quyết nhiệm vụ trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện những tình huống mới liên quan tới bài học.

- Giáo dục các em chăm học, chăm làm, đi học đều, đúng giờ; thường xuyên trao đổi nội dung học tập, hoạt động giáo dục với bạn, thầy giáo, cô giáo và người khác và

tích cực tham gia, vận động các bạn cùng tham gia giữ gìn vệ sinh, làm đẹp trường lớp, nơi ở và nơi công cộng;

- Tổ chức các hoạt động dạy - học đa dạng để phát huy tính mạnh dạn, tự tin trong mọi hoạt động của các em, khuyến khích các em mạnh dạn giao tiếp trước đám đông, nhất là trong việc trình bày ý kiến cá nhân, biết tự chịu trách nhiệm về các việc làm của mình, không đổ lỗi cho người khác khi mình làm chưa đúng; sẵn sàng nhận lỗi khi làm sai.

- Kết hợp với các tổ chức trong nhà trường và ngoài xã hội để hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh.

2.3. Vở sạch chữ đẹp:

2.3.1. Chỉ tiêu:

Lớp	TSHS	TSHS ĐGC	XẾP LOẠI VỞ						XẾP LOẠI CHỮ						HSKT ĐGR
			Vở chưa sạch		Vở sạch		Vở sạch, đẹp		Viết chưa đúng		Viết đúng		Viết đúng, đẹp		
			TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	
1/1	37	37	1	2,7	18	48,6	18	48,6	1	2,7	18	48,5	18	48,6	0
1/2	38	37	2	5,3	15	39,5	20	52,6	2	5,3	16	51,9	19	42,1	1
1/3	38	38	2	5,3	15	39,5	21	55,3	2	5,3	18	56,4	19	47,4	0
1/4	38	37	2	5,3	12	31,6	23	60,5	2	5,3	11	56,4	24	65,1	1
1/5	37	37	2	5,4	13	35,1	22	59,5	2	5,4	12	56,4	23	65,1	0
1/6	38	38	2	5,3	12	31,6	24	63,2	2	5,3	12	56,4	24	65,1	0
1/7	33	32	3	9,1	13	39,4	16	48,5	3	9,1	14	49,0	15	42,4	1
Cộng	259	256	14	5,4	98	37,8	144	55,6	14	5,4	101	52,4	142	39,0	3

2.3.2. Biện pháp thực hiện:

- Rèn cho học sinh ngồi viết đúng tư thế, cách cầm bút đúng, viết đúng khoảng cách, độ cao các con chữ theo quy định. Luyện viết chữ đứng nét đều, chữ nghiêng nét thanh, nét đậm, chữ viết sáng tạo.

- Giáo viên thường xuyên quan tâm, nhận xét, chỉ ra những ưu điểm, nhược điểm để hướng dẫn các em cách viết chữ đúng đẹp, giữ vở sạch, đẹp.

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, học sinh viết chữ đẹp,...

- Tổ chức khảo sát, lựa chọn HS có năng khiếu kể chuyện, TDTT, học sinh viết chữ đẹp.

2.4. Chất lượng học tập:

+ 95,4% HS hoàn thành chương trình lớp học

+ 100% học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, biết giao tiếp có văn hóa, tích cực tự nguyện tham gia các hoạt động xã hội.

- Học sinh khen thưởng: 60% - 65%. Cụ thể:

2.4.1. Kết quả giáo dục học sinh, rèn luyện trong hè, ở lại lớp

Lớp	TSHS	TSHS ĐG chung	TSHS KTĐG riêng	Hoàn thành xuất sắc		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành (rèn luyện trong hè)		Ở lại lớp	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1/1	37	37	0	14	37,8	10	27,0	12	32,4	1	2,7	0	0,0
1/2	38	37	1	11	28,9	13	34,2	11	28,9	2	5,3	0	0,0
1/3	38	38	0	13	34,2	12	31,6	11	28,9	2	5,3	0	0,0
1/4	38	37	1	15	39,5	10	26,3	12	31,6	1	2,6	0	0,0
1/5	37	37	0	15	40,5	9	24,3	11	29,7	2	5,4	0	0,0
1/6	38	38	0	16	42,1	9	21,1	11	28,9	2	5,3	0	0,0
1/7	33	32	1	11	33,3	11	33,3	8	24,2	2	6,1	0	0,0
Cộng	259	256	3	95	36,7	74	28,2	76	29,3	12	4,6	0	0,0

2.4.2. Tỷ lệ học sinh được khen thưởng:

Lớp	TSHS	TSHS ĐG chung	TSHS KTĐG riêng	Khen thưởng cuối năm học									
				Học sinh xuất sắc		Học sinh tiêu biểu		Khen đột xuất		Khen thành tích đặc biệt		Gửi thư khen	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1/1	37	37	0	14	37,8	10	27,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
1/2	38	37	1	11	31,6	13	34,2	0	0,0	0	0,0	0	0,0
1/3	38	38	0	13	34,2	12	31,6	0	0,0	0	0,0	0	0,0
1/4	38	37	1	15	39,5	10	26,3	0	0,0	0	0,0	0	0,0
1/5	37	37	0	15	40,5	9	27,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
1/6	38	38	0	16	42,1	9	23,7	0	0,0	0	0,0	0	0,0
1/7	33	32	1	11	33,3	11	33,3	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Cộng	259	256	3	95	37,1	74	29,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0

2.5. Các phong trào, hội thi:

2.5.1. Chỉ tiêu:

- + Giao lưu tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số: Cấp trường 2 giải cá nhân
- + Hội khỏe Phù Đồng: Tham gia HKPD cấp trường bộ môn cờ vua, phần đấu đạt 01 giải.
- + Kể chuyện theo sách: Tham gia hội thi cấp trường phần đấu đạt 02 giải.
- + Hoàn thành tốt các phong trào thi đua khác trong năm.

2.5.2. Biện pháp thực hiện.

- Giao lưu Tiếng Việt: Các lớp có học sinh dân tộc có kế hoạch hướng cho các em tham gia giao lưu.

- GV chủ nhiệm ôn luyện, bồi dưỡng kiến thức Tiếng Việt cho các em; như chữ viết, bồi dưỡng năng khiếu cho các em về múa, hát, kể chuyện.

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp tạo điều kiện để các em được giao lưu với bạn bè, thể hiện khả năng giao tiếp, mạnh dạn tự tin trước tập thể.

- Hội khỏe Phù Đổng: HS tập luyện tích cực.

- Giáo viên chủ nhiệm kết hợp với giáo viên chuyên phát hiện kịp thời những học sinh có năng khiếu về thể dục thể thao để tập luyện cho các em.

- Kết hợp với TPT đội, GV dạy thể dục bồi dưỡng cho các em tham gia hội khỏe Phù Đổng các cấp.

V. Giải pháp thực hiện

1. Thực hiện công tác đội ngũ:

1.1. Chỉ tiêu:

- Tổng số GV tổ 1: 8/8 nữ. Trong đó: GVCN: 7/7 nữ; GV dạy môn chuyên 1/1 nữ.

- Trình độ đào tạo của giáo viên (Đạt chuẩn và trên chuẩn: 8 người/ 8nữ, tỉ lệ: 100%

- Đánh giá theo Quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học (Loại xuất sắc 6 người/ 6 nữ, tỉ lệ: 75%; Loại khá: 2 người/ 2 nữ, tỉ lệ: 25%.

- Đánh giá viên chức: Chỉ tiêu: 6/8 viên chức trong tổ được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 2/8 viên chức xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ;

- Giáo viên dạy giỏi cấp trường: 7/8 người, tỉ lệ: 87.5%; cấp thành phố 5/8 người, tỉ lệ: 62.5%; cấp tỉnh 2/8 người, tỉ lệ: 25%;

- Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường: 7/8 người, tỉ lệ: 87.5%; - Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, bồi dưỡng thường xuyên (Xếp loại giỏi: 6/8 người, tỉ lệ: 75%; Xếp loại khá: 2/8 người, tỉ lệ: 25%.

- Số SKKN đăng ký viết trong năm: /68 người, tỉ lệ: 75%.

- Số tiết dự giờ của GV/năm: tối thiểu là 18 tiết (mỗi tháng từ 2 tiết trở lên)

- Số tiết thao giảng của giáo viên tối thiểu là 4 tiết /năm.

- Các chuyên đề mở trong năm: 2 chuyên đề

- Công tác dạy thêm, học thêm: Số giáo viên thực hiện nghiêm 8/8 người, tỷ lệ 100%;

1.2. Giải pháp

Thực hiện quản lý, đánh giá đội ngũ giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên, bảo đảm thực chất, gắn với thi đua, khen thưởng để tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo

gắn bó với nghề; tiếp tục rà soát chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học theo Luật Giáo dục năm 2019, bảo đảm số lượng, cơ cấu và chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Giáo viên tham gia bồi dưỡng thường xuyên đáp ứng chuẩn nghề nghiệp và thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 gắn với thực tiễn của địa phương.

2. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn về thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 Xây dựng kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục. Thực hiện quy định của Bộ GD&ĐT về bồi dưỡng các mô đun cho giáo viên đại trà theo phương thức bồi dưỡng qua mạng, thường xuyên, liên tục, ngay tại trường; gắn nội dung bồi dưỡng thường xuyên với nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn trong trường và cụm trường.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và hướng dẫn giáo viên trong tổ tham gia cùng xây dựng kế hoạch cá nhân, kịp thời phát hiện thuận lợi, khó khăn và đề xuất những biện pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn, nghiệp vụ khi thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới.

3. Thực hiện các phong trào thi đua.

3.1. Chỉ tiêu:

- Tổ đạt tổ Lao động Xuất sắc.
- Tổ được đề nghị UBND thành phố khen.
- Tỷ lệ GV đạt LĐTT: 87%
- Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 6 người; cấp tỉnh: 1 người
- Đề nghị khen cao: 2 người.

3.2. Giải pháp

Tổ chuyên môn tiếp tục đổi mới công tác quản lí, tăng cường đổi mới phương pháp giảng dạy, giáo dục học sinh, chú trọng bồi dưỡng chất lượng đội ngũ, thực hiện tốt các phong trào thi đua. Tạo môi trường làm việc, học tập thân thiện, thoải mái, trách nhiệm, kỷ luật trong tập thể giáo viên. Thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng, tạo động lực cho các thành viên tích cực phấn đấu.

Nội dung của các cuộc vận động và phong trào thi đua của ngành luôn gắn chặt với việc triển khai từng nhiệm vụ trong năm học. Các phong trào được thực hiện sáng tạo, tùy theo điều kiện thực tế để có những cải tiến thích hợp. Thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo, coi trọng việc rèn luyện phẩm chất, lối sống, lương tâm nghề nghiệp; tạo cơ hội, động viên, khuyến khích giáo viên, cán bộ quản lí giáo dục học tập và sáng tạo; ngăn ngừa và đấu tranh kiên quyết với các biểu hiện vi phạm pháp luật và đạo đức nhà giáo, củng cố kết quả các cuộc vận động chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục, "Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo". Cán bộ - Giáo viên - Công nhân viên tự giác học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, có ý thức quyết tâm làm theo,

không ngừng rèn luyện phẩm chất đạo đức, năng lực, tạo uy tín để HS noi theo như: đảm bảo ngày giờ công, lên lớp đúng giờ, thực hiện đúng kế hoạch chương trình, không cắt tiết, bỏ giờ dạy các loại hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Thực hiện cuộc vận động “Hai không” với 4 nội dung “Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục, nói không với vi phạm đạo đức nhà giáo và không để HS ngồi nhầm lớp”. Tuyên truyền vận động Cán bộ - Giáo viên - Công nhân viên thực hiện chủ đề: Nêu cao tinh thần trách nhiệm, chống chủ nghĩa cá nhân, nói đi đôi với làm.

VI. Tổ chức thực hiện.

1. Giáo viên chủ nhiệm

Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn và nhà trường; thường xuyên cập nhật những chỉ đạo của ngành; chuẩn bị, tổ chức dạy học và đánh giá học sinh theo quy định; thực hiện các hoạt động chuyên môn khác.

Chịu trách nhiệm trước BGH về chất lượng của lớp, môn giảng dạy.

Phối hợp Tổng phụ trách Đội, phụ huynh tham gia các hoạt động Trải nghiệm.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp đổi mới trong các hoạt động dạy và học, xây dựng kế hoạch bài học theo hướng tăng cường, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh thông qua việc thiết kế tiến trình dạy học thành các hoạt động học để thực hiện cả ở trên lớp và ngoài lớp học; rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu sách giáo khoa để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học; dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh luyện tập, thực hành, trình bày kết quả học tập của mình; giáo viên tổng hợp, nhận xét, đánh giá, kết luận để học sinh tiếp nhận và vận dụng.

Tích cực tự trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ. Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề do các cấp tổ chức.

Phối kết hợp chặt chẽ với CMHS trong công tác quản lý, giáo dục học sinh.

Kịp thời tham mưu, báo cáo những vướng mắc bất cập trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục tại lớp mình phụ trách.

2. Giáo viên phụ trách môn học

Triển khai, thực hiện giảng dạy môn học theo chỉ đạo của nhà trường.

Xây dựng kế hoạch bài dạy và ký duyệt đúng thời gian quy định.

Phối hợp với GVCN, tổng phụ trách đội tổ chức, triển khai các hoạt động tập thể, hoạt động ngoại khóa...

Thực hiện và chấp hành nghiêm túc quy chế chuyên môn, tích cực đổi mới phương pháp dạy học. Phối kết hợp chặt chẽ với GVCN trong công tác quản lý, giáo dục học sinh....

Kịp thời tham mưu, báo cáo những vướng mắc bất cập trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục tại các lớp mình giảng dạy bộ môn.

3. Tổ trưởng chuyên môn

Tham mưu cho nhà trường xây dựng Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục của nhà trường. Xây dựng kế hoạch năm, học kỳ, tháng, tuần của tổ khối 1.

Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát chặt chẽ, thường xuyên công tác tự bồi dưỡng, bồi dưỡng chuyên môn của giáo viên trong tổ.

Tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động chuyên môn của tổ khối bám theo Quy chế chuyên môn đã xây dựng.

Kiểm tra, giám sát đội ngũ tham mưu cho Hiệu trưởng trong công tác đánh giá giáo viên trong tổ khối.

Thực hiện theo công văn số 1315/BGDĐT-GDTH, ngày 16/04/2020 về Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học. Tiếp tục thực hiện đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn theo hình thức nghiên cứu bài học ít nhất 2 lần/ tháng;

Tổ trưởng/tổ phó ký duyệt kế hoạch bài dạy 1 tuần một lần vào ngày thứ sáu hàng tuần, trước 1 tuần thực dạy. Khi kiểm tra kế hoạch dạy học của GV phải có nhận xét đầy đủ, chịu trách nhiệm về nội dung mình kiểm tra.

Cuối buổi SHCM, tổ trưởng phải đưa ra định hướng, yêu cầu mọi giáo viên phải áp dụng những sáng kiến, bài học kinh nghiệm từ bài học minh họa vào các bài học thực tế trên lớp; thống nhất với giáo viên về việc áp dụng trong thực tế; thực hiện giám sát, dự giờ khuyến khích, động viên giáo viên áp dụng.

Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn tập trung giải quyết các vấn đề: Dạy học phát triển năng lực; nghiên cứu bài học; dự giờ, thăm lớp, rút kinh nghiệm trong tổ; triển khai các nội dung chuyên môn mới; tổ chức các chuyên đề đi sâu đổi mới phương pháp dạy học, các kỹ thuật dạy học. Thực hiện tối thiểu 02 chuyên đề/năm học về dạy học theo hướng nghiên cứu bài học. Vận dụng các chuyên đề này một cách thiết thực nhằm đẩy mạnh chất lượng giảng dạy trong nhà trường.

Trên đây là Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục năm học 2022-2023 thực hiện tại tổ khối Một trường Tiểu học Tân Đông. Căn cứ các nội dung trong kế hoạch này, giáo viên trong tổ nghiêm túc triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị có ý kiến kịp thời về Tổ trưởng hoặc Ban giám hiệu nhà trường để được hướng dẫn giải quyết./.

TỔ TRƯỞNG

P. HIỆU TRƯỞNG

Lê Thi Nữ

Nguyễn Thị Huê